

Bài 8

DƯỢC LIỆU CHỮA BỆNH TIM MẠCH, CẦM MÁU

MỤC TIÊU

1. Trình bày được đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, thành phần hóa học chính, công dụng, cách dùng của các dược liệu có tác dụng chữa bệnh tim, mạch và cầm máu.
2. Vận dụng được những kiến thức đã học vào trong thực tế hoạt động nghề nghiệp.

NỘI DUNG

BA GẠC HOA TRẮNG

Tên khác: Ba gác ta - Lạc toọc - Tích tiên- San to - La phu mộc (TQ)

Tên khoa học: *Rauwolfia verticillata* (Lour.) Baiil.

Họ: Trúc đào (*Apocynaceae*)

1. Mô tả, phân bố

Ba gác là loại cây nhỏ, cao từ 1 - 1,5m. Thân đứng, ngoài vỏ có những lỗ bì khổng nhỏ. Lá mọc vòng (có khi mọc đôi), phiến lá hình mũi mác dài, hay hơi hình trứng thuôn. Hoa mọc thành xim dạng tán kép đầu cành, màu trắng. Quả hạch hình trứng, mọc song đôi hai quả một, khi chín có màu đỏ tươi.

Ba gác mọc hoang ở vùng đồi núi, nơi ẩm thấp và ưa ánh sáng. Các tỉnh có nhiều Ba gác là: Bắc Cạn, Tuyên Quang, Lạng sơn, Cao bằng, v.v...

Có thể trồng Ba gác bằng hạt hoặc giâm cành.



2. Bộ phận dùng, thu hái

Bộ phận dùng làm thuốc của cây Ba gác là rễ và vỏ rễ. Thu hái quanh năm, tốt nhất là vào dịp thu đông, khi cây chớm ra hoa hay khi cây tàn lụi.

Đào lấy rễ, chặt bỏ phần trên cổ rễ, phơi khô rồi rửa sạch đất cát. Cần chú ý bảo vệ phần vỏ, tránh xây xát vì phần này có chứa nhiều hoạt chất nhất.

Rễ Ba gác không mùi, vị rất đắng.

Rễ Ba gác đã được ghi trong Dược điển Việt Nam (2002).

3. Thành phần hóa học

Thành phần hóa học của Ba gác chủ yếu là alcaloid, trong đó có hoạt chất chính là rauwolfia A, reserpin, serpentin.

4. Công dụng, cách dùng

Ba gác có tác dụng làm giảm huyết áp và an thần. Dùng chữa bệnh tăng huyết áp.

Cách dùng: Uống dưới dạng cao lỏng với liều trung bình 30 giọt/ngày; dùng từng đợt 10-15 ngày sau đó nghỉ 2-4 tuần rồi mới dùng tiếp.

Ngoài ra, Ba gác còn là nguyên liệu để chiết xuất reserpin để bào chế thuốc hạ huyết áp.

CÂY HÒE

Tên khoa học: *Styphnolobium japonicum* (L.) Schott = *Sophora japonica* L.

Họ: Đậu (*Fabaceae*)



1. Mô tả, phân bố

Hòe thuộc loại cây nhỡ, cao 6- 10m, sống lâu năm. Lá kép lông chim lẻ, mọc so le, mỗi lá có 1 - 17 lá chét. Hoa nhỏ, mọc thành chùm ở đầu cành, màu vàng sáng. Quả loại đậu, trong chứa 1 - 4 hạt.

Cây Hòe được trồng ở nhiều tỉnh trên đất nước ta. Các tỉnh có trồng nhiều Hòe là: Thái Bình, Nam Hà, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, v.v...

2. Bộ phận dùng, thu hái

Bộ phận dùng làm thuốc của cây Hòe là nụ hoa (Hòe hoa). Thu hái về mùa hạ, khi hoa chưa nở. Bẻ lấy những chùm hoa, đem phơi nắng nhanh hay sấy nhẹ cho khô. Ngoài ra, còn dùng quả già để làm thuốc với tên gọi là Hòe giác.

Hòe hoa có mùi nhẹ, màu vàng lục, vị hơi đắng.

Hòe hoa đã được ghi trong Dược điển Việt Nam (2002).

3. Thành phần hóa học

Thành phần hóa học của Hòe hoa chủ yếu là hợp chất glycosid, trong đó hoạt chất chính là rutin (chiếm tới 20% trở lên). Trong Hòe giác cũng có chứa rutin nhưng tỉ lệ thấp hơn so với Hòe hoa.

4. Công dụng, cách dùng

4.1. Hòe hoa có tác dụng thanh nhiệt, cầm máu và làm bền thành mạch, giảm huyết áp. Dùng chữa các chứng bệnh: Chảy máu cam, băng huyết, huyết áp tăng và các trường hợp xuất huyết khác.

Cách dùng: sắc hoặc hầm để uống với liều từ 8 - 16g/ngày.

Lưu ý: Muốn có tác dụng hạ huyết áp thì nên dùng sống, các trường hợp khác nên dùng loại sao.

4.2. Hòe giác có tác dụng trừ phong nhiệt, lợi gan mật, tăng cường tiêu hóa.

Dùng chữa các chứng: Viêm ruột đi ngoài ra máu, trĩ, tim hồi hộp, chóng mặt, đau mắt đỏ, dễ khó.

Cách dùng: Uống 6 - 9g/ngày, dạng thuốc sắc.

Lưu ý: Phụ nữ có thai không dùng Hòe giác.

Ngoài công dụng chữa bệnh, Hòe hoa còn là nguyên liệu chính để chiết xuất rutin.

5. Bài thuốc có dùng Hòe hoa

5.1. Bài thuốc chữa tăng huyết áp, xuất huyết cấp tính

Hòe hoa 30g

Hy thiêm 30g

Sắc uống.

5.2. Bài thuốc chữa chảy máu cam, đi ngoài ra máu, phụ nữ băng huyết

Hòe hoa 6g Trắc bách diệp 4g

Kinh giới 4g Chỉ xác 4g

Tán thành bột, uống với nước cháo, chia 3 lần trong ngày.

TRẮC BÁ

Tên khác: Trắc bách

Tên khoa học: *Platyclusus orientalis* (L.), Franco

Họ: Hoàng đàn (*Cupressaceae*)



1. Mô tả, phân bố

Trắc bá là loại cây nhỏ, sống lâu năm và quanh năm xanh tươi. Thân thẳng, phân nhánh sang hai bên theo một mặt phẳng. Lá mọc đối, phiến lá dẹt, hình vảy màu xanh thẫm. Hoa nhiều và có hình tròn. Quả hình tròn, trong chứa hạt hình trứng, màu nâu sẫm.

Trắc bá được trồng khắp nơi ở nước ta, nhất là khu vực đình chùa, vườn hoa để làm cảnh.

2. Bộ phận dùng, thu hái

Trắc bá có hai bộ phận dùng làm thuốc, đó là: Lá (Trắc bách diệp) và nhân hạt (Trắc bá tử hay Bá tử nhân).

2.1. Lá: Thu hái quanh năm, tốt nhất là vào tháng 9-11 hàng năm. Hái cả cành và lá, bỏ cành to, phơi khô trong râm. Trắc bách diệp có mùi thơm, vị hơi cay, đắng và chát.

2.2. Bá tử nhân: Thu hái vào mùa đông. Hái những quả đã già, phơi khô, xát bỏ vỏ ngoài, lấy nhân hạt rồi phơi khô trong râm. Bá tử nhân hơi có mùi, vị ngọt.

Trắc bách diệp đã được ghi trong Dược điển Việt Nam (2002).

3. Thành phần hóa học

- Trắc bách diệp có chứa tinh dầu, nhựa, chất đắng. Có tài liệu nói có vitamin C và glycosid cường tim.
- Bá tử nhân chứa chất béo, saponosid, tinh dầu.

4. Công dụng, cách dùng

4.1. Trắc bách diệp có tác dụng làm mát máu, cầm máu, trừ phong thấp. Dùng chữa các chứng bệnh: chảy máu cam, nôn ra máu, lỵ và tiểu tiện ra máu, phụ nữ băng huyết.

Cách dùng: uống 5 - 10g/ngày, dạng thuốc sắc. Nên sao đen trước khi dùng.

4.2. Bá tử nhân có tác dụng Bổ âm, nhuận huyết mạch, an thần, cầm mồ hôi, nhuận tràng. Dùng chữa các chứng bệnh: Hồi hộp, tim đập nhanh, mất ngủ, hay quên, ra nhiều mồ hôi, táo bón.

Cách dùng: Uống 3 - 10g/ngày, dạng thuốc sắc. Có thể chế thành Bá tử sương, làm thành viên để uống.

5. Bài thuốc có dùng Trắc bá

5.1. Bài thuốc chữa nôn ra máu liên tục

Trắc bá diệp	5g
Can khương	3g
Ngải diệp	5g
Mộc thông thấp (nước mộc thông)	4g

Sắc uống.

5.2. Bài thuốc chữa chảy máu cam do nhiệt

Trắc bá diệp tươi	9g
Lá bạc hà tươi	9g
Lá ngải cứu tươi	9g

Sinh địa 18g

Sắc uống

5.3. Bài thuốc chữa thần kinh suy nhược, mất ngủ, rụng tóc

Bá tử nhân 500g

Đương quy 500g

Tán thành bột, luyện với mật làm thành viên hoàn, uống 9g/lần; ngày 2 lần.

DỪA CẠN

Tên khác: Bông dừa- Hoa hải đăng- Trường xuân hoa (TQ)

Tên khoa học: *Catharanthus roseus* (L.), G. Don

Họ: Trúc đào (*Apocynaceae*)



1. Mô tả, phân bố

Là cây thảo sống lâu năm, thân mềm, cao 40 - 80cm. Cành non có màu hồng, chỗ mấu hơi phình to. Lá mọc đối chéo chữ thập, phiến lá hình thuôn, đầu hơi tròn. Hoa màu hồng hay màu trắng, mọc từng đôi một ở kẽ lá gần ngọn. Quả gồm hai đại, trong chứa hạt nhỏ hình trứng, màu nâu nhạt.

Cây mọc hoang nhiều trên đất nước ta, nhiều nhất là vùng ven biển, trên các bãi cát dọc bờ biển; cây cũng được trồng làm cảnh trong các vườn hoa.

2. Bộ phận dùng, thu hái

Bộ phận dùng làm thuốc của cây Dừa cạn là toàn cây (trừ gốc rễ). Thu hái khi cây chưa ra hoa. Cắt lấy cây, rửa sạch, phơi khô.

Lá dừa cạn đã được ghi trong Dược điển Việt Nam 2002.

3. Thành phần hóa học

Dừa cạn chứa chủ yếu là alcaloid, trong đó vinblastin là chất chiếm tỉ lệ cao nhất. Dược điển Việt Nam qui định, lá Dừa cạn phải chứa ít nhất là 7% alcaloid toàn phần.

4. Công dụng, cách dùng

4.1. *Dừa cạn* được dùng chủ yếu để làm thuốc giảm huyết áp trong các chứng cao huyết áp. Cách dùng: Uống 15-20g/ ngày, dạng thuốc sắc.

Ngoài ra, dừa cạn hiện nay còn được dùng phối hợp trong điều trị một số bệnh về bạch cầu, ung thư gan, ung thư máu, v.v... Dùng với liều 20g thuốc khô mỗi ngày.

4.2. *Lá Dừa cạn*: Được dùng làm nguyên liệu chiết xuất vinblastin là dược chất chữa bệnh bạch cầu rất hiệu quả.

LONG NÃO

Tên khác: Dã hương-Chương thụ(TQ) - May khao khinh (Lào)

Tên khoa học: *Cinnamomum camphora* Nees et Eberm

Họ: Long não (*Lauraceae*)

1. Mô tả, phân bố

Long não thuộc loại cây gỗ to, có thể cao 20 - 30m, sống lâu năm. Lá mọc so le, phiến lá nguyên, hình trứng nhọn, mép lá nhẵn và cong hình sóng. Hoa tự hình xim hai ngã, hoa nhỏ, lưỡng tính màu vàng nhạt. Quả hạch đựng trong đế hoa tồn tại,

hình cầu, khi chín có màu đen, trong chứa một hạt.

Cây Long não được trồng khắp nơi trên miền Bắc nước ta hay mọc hoang ở nhiều nơi. Các tỉnh có nhiều long não là: Hà Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Lạng Sơn, Hà Tây...



2. Bộ phận dùng, thu hái

Bộ phận dùng của cây Long não là: lá, gỗ, rễ hay quả, nhưng chủ yếu là gỗ. Thu hái ở những cây lâu năm, càng lâu năm càng tốt. Cắt lấy tinh dầu bằng phương pháp cắt kéo bằng hơi nước, thu được tinh dầu Long não. Tùy theo từng cây và thời điểm thu hái, tinh dầu Long não có thể là dạng đặc hay lỏng. Tinh dầu Long não có mùi thơm đặc biệt của Long não, rất bay hơi; dạng lỏng có màu vàng. Từ tinh dầu Long não, người ta chiết được Long não (Camphora) ở dạng hữu tuyến.

3. Thành phần hóa học

Cây Long não chứa tinh dầu (3,8 - 4,2%), trong đó hoạt chất chính là Long não (d-camphor) và cineol.

4. Công dụng, cách dùng

Tinh dầu Long não có tác dụng trợ tim, sát trùng. Dùng chữa các chứng bệnh như: Ngất, bất tỉnh, ho, choáng, đau bụng; làm thuốc xoa bóp chữa đau nhức, chân tay mỏi, cảm lạnh...

Long não còn được dùng làm nguyên liệu để pha thuốc trợ tim dưới dạng thuốc tiêm pha trong dầu hoặc trong nước (sau khi chuyển Long não thành dạng tan trong nước).

LƯỢNG GIÁ

Trả lời ngắn các câu sau bằng cách điền từ, cụm từ thích hợp vào chỗ trống (.....):

- Hai bộ phận dùng làm thuốc của cây Hòe là:
A.....
B.....
- Đặc điểm thực vật của cây Ba gạc Hoa trắng là:
A. Là loại cây
B. Lá mọc
C. Hoa mọc thành.....
D. Quả , hình
- Tên khoa học cây Ba gạc hoa trắng là: , họ Trúc đào:
- Tên khoa học của cây Hòe là: , họ Đậu:

Phân biệt đúng/ sai các câu sau bằng cách đánh dấu vào chữ A (cho câu đúng) và chữ B (cho câu sai):

- Bộ phận dùng của cây Dừa cạn gồm toàn cây mang lá và hoa đã phơi khô. A-B
- Long não thiên nhiên hữu tuyến được chiết xuất từ tinh dầu của cây Long não. A-B

Chọn giải pháp đúng nhất cho các câu sau bằng cách đánh dấu vào chữ cái đầu giải pháp mà bạn chọn.

- Thành phần hóa học của các vị thuốc:
A. Rễ cây Ra gạc có glycosid là reserpin.
B. Lá cây Dừa cạn có alcaloid là reserpin, vinplastin, vincristin.
C. Hòe hoa có rutin.
D. Trắc bách diệp có alcaloid.

8. Công dụng của các vị thuốc:

- A. Trắc bách diệp chữa chảy máu, ho ra máu.
- B. Toàn cây Dừa cạn chữa bệnh cao huyết áp.
- C. Long não chữa suy tim, ngất, khó thở.
- D. Hòe hoa chữa các chứng chảy máu, cao huyết áp.

9. Cách dùng của các vị thuốc:

- A. Nụ hoa hòe dùng 5 - 10 g/ngày, dạng thuốc sắc.
- B. Bá tử nhân dùng 1 - 2 g/ngày, dạng thuốc sắc.
- C. Dừa cạn dùng 15 - 20 g/ngày, dạng thuốc sắc.
- D. Ba gạc dùng theo đợt với liều 30g/ngày dạng cao lỏng.